

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/08/2019

V/v tranh chấp:

“Ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có.

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Mạc Thị Hồng

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Hà

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- **Thư ký phiên toà:** bà Hà Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tham gia phiên toà:** Bà Lê Phương Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 08 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2019/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 05 năm 2019, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 08 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Trần Thị T, sinh năm 1990 (có mặt)

HKTT: xóm 7, xã P, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

Địa chỉ hiện nay: xóm N, xã P, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

Bị đơn: anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1990 (vắng mặt)

HKTT: xóm 7, xã P, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn năm 2015, có ĐKKH kết hôn tại UBND xã P, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

Sau khi kết hôn vợ chồng cùng đi làm ăn, khoảng 1 năm thì quay về chung sống cùng bố mẹ, được 1 năm sau thì ra ở riêng. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc nguyên nhân anh C không có công việc làm ổn định nên không có thu nhập, lý do anh thay đổi công việc liên tục. Do không có công việc làm nên anh C chán nản sinh ra rượu chè, không quan tâm đến gia đình, vợ con.

Bắt đầu từ đầu năm 2017 anh C bỏ hẳn công việc, không đi làm, cả ngày say rượu. Do không khuyên bảo được anh C nên đến vợ chồng thường xảy ra cãi nhau và chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 4/2019 cho đến nay. Anh C có đến đón nhưng chị không về, lý do chị xác định anh không thay đổi được cách sống.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được giải quyết ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 06/9/2016; Chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không có tài sản chung.

Nợ chung, các khoản cho vay chung: không có

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: anh và chị Trần Thị T kết hôn năm 2015, có ĐKKH tại UBND xã P, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

Sau khi kết hôn vợ chồng đi làm ăn một thời gian thì quay về chung sống cùng bố mẹ, chung sống cùng bố mẹ khoảng 1 năm thì vợ chồng ra ở riêng.

Quá trình chung sống vợ chồng chung sống bình thường, không có mâu thuẫn lớn. Từ tháng 3/2019 anh bị tai nạn và không đi làm được, nhưng trong thời gian ở nhà không đi làm anh lại thường uống rượu, chị T nói anh không nghe, tháng 4/2019 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ cho đến nay.

Tháng 5/2019 anh bị ốm, phải đi viện điều trị 1 tháng, chị T đến thăm một lần, nhưng không ở lại để chăm sóc anh. Sau khi anh ra viện có đến nhà chị T để đón chị T về đoàn tụ, nhưng chị T không về và làm đơn ly hôn.

Khi làm bản tự khai anh đồng ý ly hôn, nhưng anh suy nghĩ lại, không muốn cho con thiếu bố hoặc mẹ nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 06/9/2016, nếu phải ly hôn anh đồng ý để chị T nuôi dưỡng con chung, chị T không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý.

Tài sản chung: không có

Công nợ chung, các khoản cho vay chung: không có

Công nợ chung, các khoản cho vay chung: không có

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Phổ Yên phát biểu ý kiến:

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 28, 35, 39 BLTTDS về thẩm quyền thụ lý; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố

tụng; Điều 96, 97 BLTTDS về xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ; Điều 195 BLTTDS về việc thụ lý, giao nhận Thông báo thụ lý vụ án cho đương sự; Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử; Điều 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

**Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: áp dụng điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 06/9/2016 cho chị T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh C.

- Về tài sản chung: không có.

- Khoản nợ chung, cho vay chung: đều không có.

- Về án phí: áp dụng khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết:* Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn C đều có hộ khẩu thường trú tại xóm 7, xã P, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên. Chị T có đơn ly hôn, căn cứ điều 28, điều 35, điều 39 BLTTDS năm 2015, Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của anh chị là đúng thẩm quyền.

[2]. *Về sự vắng mặt của đương sự:* tại phiên tòa hôm nay anh C vắng mặt không có lý do lần thứ 2, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh C không có mặt tại phiên tòa. Vì vậy HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh C theo quy định pháp luật.

[3]. *Về nội dung:* Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn C kết hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn, do vậy được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2.1]. Sau khi kết hôn anh chị sống chung hòa thuận một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T cho rằng anh C không có công việc làm và thu nhập nhưng lại thường xuyên uống rượu say, không lo lắng cho gia đình. Anh C thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do thời gian anh bị tai nạn phải ở nhà, không đi làm được nên thường uống rượu, nhưng sau đó anh bị ốm phải đi viện thì chị T cũng không chăm sóc anh, vợ chồng ly thân từ tháng 4/2019 cho đến nay.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, anh C không đồng ý ly hôn nhưng không có mặt tại những buổi hòa giải tiếp theo mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ thông báo hòa giải, do anh C không có mặt cho nên không hòa giải được. Sự vắng mặt của anh C tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa thể hiện sự không coi trọng hôn nhân, không tuân theo pháp luật của anh C. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh C.

Xét mâu thuẫn giữa anh chị đã thực sự căng thẳng và kéo dài, không còn cơ hội đoàn tụ. Cần thiết chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh C.

[2.2]. *Về con chung*: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 06/9/2016. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh C có quan điểm nếu phải ly hôn anh cũng đồng ý cho chị T nuôi dưỡng con chung. Do vậy cần thiết giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với anh C cho đến khi chị T có yêu cầu.

[2.3]. *Về tài sản chung và các khoản nợ chung, cho vay chung*: anh chị xác định đều không có.

[3]. *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 4 điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị Trần Thị T đối với anh Nguyễn Văn C

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

- *Về con chung*: Giao con chung Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 06/9/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng;

Về cấp dưỡng nuôi con: tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh C do chị T không có yêu cầu.

Anh C được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: đều không có

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004337 ngày 15/05/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị T, vắng mặt anh C. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niên yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã P;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Thị Hồng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Thị Hồng